

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 744/2022/DS-PT

Ngày: 26 - 10 - 2022

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán:

Ông Vũ Ngọc Huynh

Bà Trần Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ D - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2022/TLPT-DS, ngày 20 tháng 6 năm 2022, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2022/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1371/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1940, (vắng mặt).

2. Bà Thái Thị Nh, sinh năm 1949, (vắng mặt).

Cư trú: Tổ 13, ấp BH 2, xã MK, thành phố LX, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ D (Tám Mãnh) sinh năm 1954, (có mặt).

Cư trú: Số 1083A, tổ 13, ấp BH 2, xã MK, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Võ Thị Mỹ D1, sinh năm 1982; Cư trú: Số 1083A, tổ 13, ấp BH 2, xã MK, thành phố LX, tỉnh An Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 30/6/2021), (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố LX, tỉnh An Giang;

Địa chỉ trụ sở: Đường NTH, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang;

Đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Thị Hoa R; Chức vụ Chủ tịch UBND thành phố LX, (có đơn yêu cầu xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn M, bà Thái Thị Nh là nguyên đơn; bà Nguyễn Thị Mỹ D là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn do ông Nguyễn Văn M; bà Thái Thị Nh trình bày:

Yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D trả lại diện tích đất lấn chiếm ngang 0,5m dài 80m; đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN.QSDĐ) số 01640/QSD Đ/fA ngày 19/7/2000 do UBND thành phố LX cấp cho ông Nguyễn Văn M; diện tích 3.065m²; thửa số 9; bản đồ 22; đất tọa lạc tại ấp BH 2, xã MK, thành phố LX; (thay đổi thông tin trang 4; do ngày 21/5/2004 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trung Tr, bà Phạm Thị Minh T diện tích 513,8m²; còn lại diện tích 2.551,2m²);

Không đồng ý yêu cầu của bà D đòi hủy GCN.QSDĐ của vợ chồng ông M vì khi cấp GCN.QSDĐ cho gia đình ông M và cho bà D năm 2000 thì vợ chồng ông M không có mặt ở nhà, nên vợ chồng ông M cũng không có ký tứ cận cho bà D, nếu nói GCN.QSDĐ của ông cấp không đúng thì GCN.QSDĐ của bà D cũng cấp không đúng.

Đồng ý Bản vẽ ngày 20/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất chi nhánh LX đo vẽ và xác định phần đất đang tranh chấp hiện nay để trông, chưa có hàng rào giữa các bên, mà là mương nước cạn;

Không đồng ý yêu cầu phản tố của bị đơn đòi bồi thường 5.500.000đ;

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D do bà Võ Thị Mỹ D1 đại diện theo ủy quyền trình bày:* Bà Nguyễn Thị Mỹ D không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn ông M, bà Nh; bà D cho rằng bà không có lấn chiếm đất và bà đã được UBND thành phố LX cấp GCN.QSDĐ số 0289/QSDĐ/fA ngày 31/10/2000, diện tích 1.188m²; thửa số 21, 24; bản đồ 22; đất tọa lạc tại ấp BH 2, xã MK, thành phố LX.

Khi đo đạc năm 2018, có mặt bà D chứng kiến, có chỉ mốc ranh nhưng Tòa án LX không công khai Bản vẽ, nay bà D đã biết Bản vẽ và không đồng ý Bản vẽ ngày 20/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh LX đo vẽ với lý do Bản vẽ xác định không đúng cột mốc cũ trước đây, làm đất hộ bà D phải lấn qua một hộ khác, hơn nữa việc đo vẽ căn cứ vào hồ sơ đã sai lệch trước đây khi ông M và bà Nh cất 1 phần đất bán cho người khác. Tuy không đồng ý Bản vẽ nhưng bà D không yêu cầu đo đạc lại và xác định phần đang tranh chấp hiện nay để trông, chưa có hàng rào giữa các bên; mà là mương nước cạn;

Bà Nguyễn Thị Mỹ D có yêu cầu xem xét hủy GCN.QSĐĐ số: 01640/QSĐĐ/fA ngày 19/7/2000 do UBND thành phố LX cấp cho ông M, bà Nh vì bà D cho rằng cấp giấy cho ông M, bà Nh là sai về trình tự thủ tục.

Bà D có yêu cầu phản tố yêu cầu nguyên đơn bồi thường thiệt hại về tài sản do gia đình ông M đập trụ đá, chặt cây và tiền thuê nhân công xây lại cho gia đình bà D số tiền 3.750.000đ (tính giá thời điểm hiện nay là 5.500.000đ) gồm:

- Trụ đá: 03 cây trụ x 200.000đ = 600.000đ
- Xi măng, cát, đá xây lại: 300.000đ x 3 lần = 900.000đ
- Tiền công xây lại: 300.000đ x 3 lần = 900.000đ;
- Thiệt hại 15 cây tre: 15 cây x 30.000đ/cây x 03 lần = 1.350.000đ

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2022/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, đã quyết định:

Căn cứ Điều 26, 35, 143, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 170, 175, 176, 245, 246 của Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ Điều 203 Bộ luật đất đai năm 2013; Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, bà Thái Thị Nh về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ D trả lại diện tích đất ngang 0,5m dài 80m.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D về việc yêu cầu nguyên đơn ông M, bà Nh bồi thường thiệt hại tài sản với số tiền 5.500.000đ;

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ D về việc yêu cầu hủy GCN.QSĐĐ số 01640/fA ngày 19/7/2000 do UBND thành phố LX cấp cho ông Nguyễn Văn M, Thái Thị Nh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, về án phí dân sự sơ thẩm, quyền và nghĩa vụ trong thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

+ Ngày 08/4/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm; do: Bản vẽ ngày 20/12/2018 và bản vẽ bổ sung ngày 21/5/2019 thể hiện các điểm 29, 2, 28 khác với các mốc ranh mà thửa đất số 21 của bà D đã được cấp GCN.QSĐĐ từ ngày 31/10/2000 cho đến nay. Điểm số 2 theo bản vẽ làm sai khác hoàn toàn giữa điểm số 1 là trụ ranh của bà D với ông M có từ năm 2000 đến nay. Việc công nhận các điểm số 2, 28, 29 làm cho thực tế thửa đất của bà D lấn sang hộ thứ 3 là ông Nguyễn Văn S. Công văn số 2014/UBND-NC ngày 07/5/2021 của UBND thành phố LX không trả lời các bản vẽ trên, diện tích có đảm bảo nằm trong GCN.QSĐĐ của các bên hay không, có nằm trong chỉ giới giao đất mà bà D được UBND cấp ngày 31/10/2000 theo GCN.QSĐĐ số

0289/QSĐĐ/fA của thửa 21, diện tích 761m², có ảnh hưởng đến diện tích của hộ ông Nguyễn Văn S hay không? Cơ quan chuyên môn không đo đạc diện tích thửa đất số 22 của ông Nguyễn Văn S (hộ thứ ba liên quan) để xác định việc giao mốc số 28, 29 có làm ảnh hưởng diện tích đất của ông Nguyễn Văn S hay không, Tòa án sơ thẩm không ghi nhận ý kiến của ông S, không đưa ông S vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa giải quyết triệt để vụ án, vì sau khi án có hiệu lực pháp luật nếu ông S không đồng ý với mốc ranh thì không thể thi hành án được. Hồ sơ cấp GCN.QSĐĐ lần đầu cho ông M, bà Nh phần phía nam không có tứ cận là ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Mỹ D ký tên là sai trình tự, thủ tục. Năm 2020 khi biết hồ sơ cấp đất của ông M thì bà D đã có yêu cầu hủy GCN.QSĐĐ của ông M. Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà D là không đúng pháp luật vì có sơ thể hiện ông M và con trai đã có 3 lần đập phá tài sản của bà D. Vì thế, bà D kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm.

+ Ngày 12/4/2022, ông Nguyễn Văn M, bà Thái Thị Nh có đơn khiếu nại (kháng cáo) đến ngày 18/4/2022 có đơn kháng cáo bổ sung đối với bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Phần đất của ông M, bà Nh đã được đo đạc xác định phần cột mốc ranh của bà D lấn qua đất của ông M, bà Nh. Nhưng khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm không quyết định cho ông M, bà Nh được sử dụng đúng theo bản vẽ. Vì thế, ông M kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử cho ông M bà Nh được sử dụng đất đúng theo bản vẽ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người kháng cáo ông Nguyễn Văn M và bà Thái Thị Nh vắng mặt không lý do.

- Người kháng cáo, bà Nguyễn Thị Mỹ D do người đại diện là chị Võ Thị Mỹ D1, trình bày: Giữ nguyên lý do và yêu cầu kháng cáo theo đơn kháng cáo ngày 08/4/2022 của bà D, không cung cấp chứng cứ mới, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm.

Đối với kháng cáo của ông Nguyễn Văn M, bà Thái Thị Nh: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông M, bà Nh vắng mặt không lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông M, bà Nh.

Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ D, xét: Khi giải quyết Tòa sơ thẩm đã xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, tại cấp phúc thẩm không có căn

cứ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà D, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của các đương sự, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Tòa sơ thẩm xử ngày 29/3/2022 đến ngày 08/4/2022 và ngày 12/4/2022 bị đơn và nguyên đơn có đơn kháng cáo nên kháng cáo của bị đơn và nguyên đơn là hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ông Nguyễn Văn M, bà Thái Thị Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vào các ngày 18/8/2022, ngày 22/9/2022 nhưng đều vắng mặt không lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ Luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của ông M, bà Nh.

- Về nội dung: Đối với kháng cáo của và Nguyễn Thị Mỹ D, xét:

[1] Nguồn gốc đất của ông Nguyễn Văn M do cha mẹ để lại trước năm 1975 và ông M được cấp GCN.QSDĐ số 01640/QSDĐ/fA ngày 19/7/2000 do UBND thành phố LX cấp; có diện tích 3.056m², bản đồ 22, thửa 9 tọa lạc tại xã MK, thành phố LX; đến ngày 21/5/2004 chuyển nhượng cho Nguyễn Trung Tr, bà Phạm Thị Minh T, diện tích 513,80m² (thay đổi trang 4 của GCN.QSDĐ số 01640/QSDĐ/fA ngày 19/7/2000); còn lại diện tích đất 2.551,2m² (BL 21).

[2] Nguồn gốc đất của bà Nguyễn Thị Mỹ D sử dụng từ trước năm 1975 và bà D được cấp GCN.QSDĐ số 0289/QSDĐ/fA ngày 31/10/2000 do UBND thành phố LX cấp; có diện tích 1.188m², bản đồ 22, thửa 21, 24; trong đó có thửa 21, diện tích đất là 761m² giáp ranh đất đang tranh chấp với nguyên đơn; diện tích còn lại 427m² khác thửa và nằm bên kia Đường liên xã, không liền kề và không liên quan đến đất tranh chấp với ông M; đất tọa lạc xã MK, thành phố LX;

[3] Căn cứ vào hồ sơ kỹ thuật cấp đất cho ông M và bà D thì thấy, đều có thể hiện cán bộ địa chính xã có xuống đo thực tế và lập biên bản mốc ranh; nhưng khi ký tên tứ cận thì biên bản mốc ranh cấp đất cho ông M không có hộ ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Mỹ D ký tứ cận; còn ngược lại hồ sơ cấp GCN.QSDĐ cho bà D thì biên bản mốc ranh có ghi tên ông M ký tứ cận; tại biên bản ghi lời khai ông M khai khi làm giấy cho bà D ông không có ở nhà, nên không có ký tên vào; còn bà D khai việc cấp GCN.QSDĐ cho ông M là cấp trước; sau đó bà D mới được cấp GCN.QSDĐ; nhưng bà D không khiếu nại gì đến việc cấp GCN. QSDĐ của ông M; cả ông M, bà D đã sử dụng đất ổn định từ năm 2000 cho đến nay;

[4] Tại Công văn số 2014/UBND-NC ngày 07/5/2021, UBND thành phố LX trả lời “Trường hợp cấp GCN.QSDĐ cho ông M và bà D nêu trên là đảm bảo trình tự, thủ tục theo Quyết định số 283/QĐ-UB ngày 13/02/1999 của UBND tỉnh An Giang về việc quy định trình tự và thủ tục cấp GCN.QSDĐ ở đất chuyên dùng, đất ở nông thôn”.

[5] Căn cứ Bản vẽ ngày 20/12/2018 và Bản vẽ bổ sung ngày 21/5/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh LX đã xác định;

[5.1] Đất ông Nguyễn Văn M quản lý, sử dụng có diện tích 2.551,2m² tại giới hạn các điểm 31, 19, 33, 18, 17, 16, 15, 14, 13, 12, 11, 10, 2 thuộc GCN.QSDĐ số 01640/fA ngày 19/7/2000 của UBND thành phố LX cấp cho ông Nguyễn Văn M, bà Thái Thị Nh.

[5.2] Đất bà Nguyễn Thị Mỹ D quản lý, sử dụng có diện tích đất 761m² tại giới hạn các điểm 29, 30, 31, 2, 28 thuộc GCN.QSDĐ số 0289/fA ngày 31/10/2000 của UBND thành phố LX cấp cho bà Nguyễn Thị Mỹ D;

[5.3] Theo điểm mốc xác định tại mục [5.1] và [5.2] thì giữa ranh đất ông M và bà D là đường thẳng có điểm chung xác định ranh đất là từ điểm 31 đến điểm 2 của bản vẽ nêu trên, từ đó cho thấy, diện tích các bên đang sử dụng là đúng diện tích được cấp giấy, không có sự lấn ranh đất với nhau, còn việc khi đo đạc là do ông M chỉ lấn qua phần đất bà D 6,2m². Còn bà D chỉ lấn ranh qua ông M 8,8m² là do các bên chưa làm tường rào hay cắm mốc cụ thể; tại phiên tòa sơ thẩm các bên đều xác định phần đang tranh chấp hiện nay để trống, chưa có hàng rào giữa các bên mà là ruộng nước cạn; Do đó, không có căn cứ để xác định các bên sử dụng đất có lấn ranh lẫn nhau.

[6] Từ phân tích nêu tại mục [5] trên cho thấy, ghi nhận diện tích đất các bên đang sử dụng hiện tại như sau:

[6.1] Ông Nguyễn Văn M, bà Thái Thị Nh đang quản lý, sử dụng diện tích đất 2.551,2m² tại điểm 31, 19, 33, 18, 17, 16, 15, 14, 13, 12, 11, 10, 2 theo Bản vẽ ngày 20/12/2018 và Bản vẽ bổ sung ngày 21/5/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh LX; đất thuộc GCN.QSDĐ số 01640/fA ngày 19/7/2000 của UBND thành phố LX cấp cho ông Nguyễn Văn M, bà Thái Thị Nh.

[6.2] Bà Nguyễn Thị Mỹ D đang quản lý, sử dụng diện tích 761m² tại các điểm 29, 30, 31, 2, 28 theo Bản vẽ ngày 20/12/2018 và Bản vẽ bổ sung ngày 21/5/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh LX; đất thuộc GCN.QSDĐ số 0289/fA ngày 31/10/2000 của UBND thành phố LX cấp cho bà Nguyễn Thị Mỹ D (Bà D còn thửa số 24, bản đồ 22, diện tích 427m² nằm riêng biệt không giáp ranh đất với ông M mà nằm đối diện ngang Đường lộ liên xã).

[6.3] Theo hồ sơ cấp GCN.QSDĐ của ông M, bà Nh thể hiện: Khi cấp đất cho ông M, bà Nh ngày 19/7/2000 theo GCN.QSDĐ số 01640/QSDĐ/fA ngày 19/7/2000 thì Biên bản xác định ranh giới – mốc giới thửa đất (theo hiện trạng sử dụng) của ông M không có bà D ký tên tứ cận là chưa đúng về trình tự, thủ tục. Nhưng xét ông M, bà Nh sử dụng liên tục từ trước đến nay và khi giải quyết

tại cấp sơ thẩm bà D không yêu cầu đo đạc lại nên Tòa sơ thẩm giữ ổn định diện tích sử dụng của các đương sự theo Bản vẽ ngày 20/12/2018 và Bản vẽ bổ sung ngày 21/5/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh LX để làm căn cứ xác định mốc ranh sau này (diện tích sử dụng của các bên đúng theo GCN.QSĐĐ) là đảm bảo quyền lợi của các bên mà không cần thiết phải hủy GCN.QSĐĐ. Từ đó, Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả lại diện tích ngang 0,5m dài 80m và cũng không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về yêu cầu hủy GCN.QSĐĐ số 01640/fA ngày 19/7/2000 do UBND thành phố LX cấp cho ông Nguyễn Văn M, Thái Thị Nh là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7] Xét, yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D về việc yêu cầu nguyên đơn bồi thường thiệt hại tài sản số tiền 5.500.000đ thì thấy, trong thời gian các bên tranh chấp ranh đất với nhau thì ông M thừa nhận có nhổ trụ đá của bà D 03 lần nhưng cho rằng chỉ nhổ lên rồi bỏ lại tại đó, chứ không có đập phá như bà D khai; còn chặt cây là các cây phủ qua phần đất ông. Văn bản của Công an xã MK có ghi nhận ông M có hành vi búng trụ đá, chặt cây (BL 148); Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà D không cung cấp được chứng gì liên quan chỉ khai chung chung và sự việc đã lâu nên không thể xác minh được; ông Nguyễn Văn C bà con bên bà D khai “ông M có báo ông C biết và ông C kêu ông M về gặp ông M1 kêu đốn cây phủ qua không gian bên anh Tư M,..”; bà D yêu cầu bồi thường thì phải có nghĩa vụ chứng minh là có thiệt hại xảy ra; do bà D không cung cấp chứng cứ chứng minh thiệt hại của mình là có xảy ra, nên Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà D là có căn cứ.

[8] Từ những nhận định trên; xét tại cấp phúc thẩm không có căn cứ nào mới nên theo đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà D giữ nguyên án sơ thẩm.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông M, bà Nh, bà D là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

[10] Quyết định khác của án sơ thẩm về chi phí tố tụng, về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 273; Điều 148, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 170, 175, 176, 245, 246 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 203 Bộ luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn M, bà Thái Thị Nh. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị

Mỹ D; giữ nguyên án bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, bà Thái Thị Nh về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ D trả lại diện tích đất ngang 0,5m dài 80m.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn M, bà Thái Thị Nh bồi thường thiệt hại tài sản với số tiền 5.500.000đ;

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ D về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01640/fA ngày 19/7/2000 do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp cho ông Nguyễn Văn M, Thái Thị Nh.

5. Về chi phí tố tụng: Tổng cộng là 1.404.000đ nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, bà Thái Thị Nh phải chịu và đã thực hiện xong.

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn M, bà Thái Thị Nh và bà Nguyễn Thị Mỹ D được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho ông Nguyễn Văn M, bà Thái Thị Nh số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005040 ngày 06/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố LX.

7. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn M, bà Thái Thị Nh và bà Nguyễn Thị Mỹ D.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự (4);
- Lưu VT (5), HS (2), 15b, (ÁN09)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Tửu

